

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 08 - 8 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh S

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ú

Ông Phan Văn P

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ L, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng T - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/HSS, ngày 24 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc dời ngày xét xử số: 23/TB-TA, ngày 06 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Nguyễn Kim N, sinh năm 1985, tại tỉnh T. Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: kinh doanh; không; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Đặng Văn C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1960; Chồng bị cáo tên: Bùi Thành T, sinh năm 1979 (đã ly hôn); con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1982 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm 3, phường Z, thành phố T, tỉnh T.

2/ Bà Thạch Thị H, sinh năm 1986 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh T.

3/ Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1972 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp L, phường X, thành phố T, tỉnh T.

4/ Bà Huỳnh Thị Phước L, sinh năm 1977 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm 5, phường C, thành phố T, tỉnh T.

5/ Bà Nguyễn Thị Bích Tu, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh T.

6/ Ông Trương Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh T.

7/ Bà Nguyễn Hồng V, sinh năm 1972 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: số 283, khóm 5, phường B, thành phố T, tỉnh T

8/ Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1984 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm 1, phường N, thành phố T, tỉnh T.

9/ Bà Ngô Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

10/ Bà Lâm Thị Hoàng Ng, sinh năm 1972, (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: số 322, khóm 1, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

11/ Bà Nguyễn Mộng Tr, sinh năm 1971 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: số 310, khóm 1, phường A, thành phố T, tỉnh T

12/ Bà Từ Hồng D, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 3, phường S, thành phố T, tỉnh T.

13/ Bà Thạch Thị H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đại T, xã L, huyện C, tỉnh T.

14/ Nguyễn Hoàng Ba, sinh năm 2005 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp S, xã Nguyệt H, huyện C, tỉnh T.

15/ Bà Sơn Ngọc Bi, sinh năm 1973 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh T.

Người làm chứng:

Trịnh Hoa V, sinh năm 1972 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, thị trấn A, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đặng Nguyễn Kim N là nhân viên Công ty TNHH MTV vệ sinh công nghiệp chuyên nghiệp Bảo Quang, làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh, giữ chức vụ Giám sát các nhân viên hợp đồng làm vệ sinh, để có thêm thu nhập nên bị cáo Kim N đã cho nhiều người là nhân viên của Công ty vay tiền gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tr (sinh ngày 29/11/1982, nơi thường trú và chỗ ở khóm 3, phường 1, thành phố Trà Vinh): vay số tiền 2.000.000 đồng, vào tháng 9 năm 2023, lãi suất 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi suất 180%/năm,

vượt gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, bà Tr đóng lãi cho bị cáo Kim N đến tháng 11 năm 2023 là 02 tháng với số tiền 600.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 65.753 đồng, số tiền bà N thu lợi bất chính là 534.247 đồng.

Đến tháng 2 và tháng 3 năm 2024, bà Trúc trả 1.000.000 đồng, hiện tại bà Trúc còn nợ tiền vay của bị cáo Kim N số tiền 1.000.000 đồng.

2. Bà Thạch Thị H (sinh ngày 05/7/1986, nơi thường trú và chỗ ở ấp T, xã S, huyện C, tỉnh T) vay số tiền 2.000.000 đồng vào tháng 9 năm 2023, lãi suất 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 180%/năm, bà H đóng lãi cho bị cáo N đến tháng 11 năm 2023 là 02 tháng với số tiền 600.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 65.753 đồng, số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 534.247 đồng.

Đến tháng 12 năm 2023, tháng 01, tháng 02 và tháng 03 năm 2024, bà H trả cho bị cáo N mỗi tháng 500.000 đồng, số tiền vay bà H đã trả xong cho bị cáo N.

3. Bà Nguyễn Thị Ánh H (sinh ngày 23/11/1972, nơi thường trú và chỗ ở ấp L, phường X, thành phố T, tỉnh T) vay của bị cáo số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm, thời điểm vay lúc trụ sở Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh còn ở Phường 6, thành phố Trà Vinh, vay trước tháng 4 năm 2023, sau đó trả tiền gốc 2.000.000 đồng. Đến thời điểm Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh chuyển về địa chỉ khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh vào tháng 4 năm 2023, bà H còn nợ tiền vay bị cáo N số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm. Đến tháng 6 năm 2023, bà Hoa vay thêm 1.000.000 đồng, tất cả lãi suất 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 180%/năm. Đến tháng 7 năm 2023, bà Hoa tiếp tục vay thêm 1.000.000 đồng, lãi suất như trên. Đến tháng 9 bà H trả tiền vay cho bị cáo N 3.000.000 đồng, còn nợ tiền vay 1.000.000 đồng, đóng xong đến tháng 10 năm 2023, số tiền lãi chứng minh được bà H đóng cho bị cáo N từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023 là 2.700.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 301.370 đồng, số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 2.398.630 đồng, từ tháng 11 năm 2023 đến nay, bị cáo N không thu lãi, tháng 01 năm 2024, bà Hoa trả số tiền 300.000 đồng, hiện tại bà H còn nợ tiền vay của bị cáo Kim N số tiền là 700.000 đồng.

4. Bà Huỳnh Thị Phước L (sinh ngày 01/01/1977, nơi thường trú và chỗ ở khóm 5, phường C, thành phố T, tỉnh T) vay số tiền 3.000.000 đồng, vào tháng 3 năm 2023, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm, khoảng 10 ngày sau thuộc tháng 4 năm 2023, bà L vay thêm 3.000.000 đồng, lãi suất như trên. Đến tháng 6 năm 2023, bị cáo Kim N nâng lãi suất lên 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 180%/năm. Đến tháng 4 năm 2023, Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh chuyển về địa chỉ khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh, bà L có nhờ bà Trịnh Hoa V (sinh ngày 01/01/1972, nơi thường trú: ấp Phú Hòa 4, thị trấn A, huyện C, tỉnh A, chỗ ở hiện tại: khóm 3, phường U, TP T, tỉnh T), trước đây cùng làm nhân viên vệ sinh trong bệnh viện, hỏi bị cáo Ngân vay dùm tiền góp 2.000.000 đồng nhưng không xác định ngày tháng nào, mỗi ngày góp 100.000

đồng, góp 24 ngày, tương ứng lãi suất 304%/năm, góp được vài ngày bà L nhờ bà V tiếp tục hỏi bị cáo Ngân xin vay thêm số tiền 5.000.000 đồng, bà L vẫn không xác định được ngày tháng vay, tổng số tiền vay góp lên đến 7.000.000 đồng, góp và đóng lãi tới tháng 9 năm 2023, bà L ngưng đóng lãi và ngưng góp. Đối với số tiền lãi vay góp do không xác định được ngày tháng vay nên không chứng minh được số tiền bị cáo Kim N thu lợi bất chính, đối với số tiền vay đóng lãi hàng tháng, tính từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 9 năm 2023, bà L đóng lãi cho bị cáo Kim N là 4.500.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 553.973 đồng, số tiền bị cáo Kim N thu lợi bất chính là 3.946.027 đồng.

Đến tháng 2 năm 2024, bà Loan trả cho bị cáo N 1.000.000 đồng, hiện tại bà Phước L còn nợ tiền vay của bị cáo N số tiền 12.000.000 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Bích Tu (sinh ngày 25/12/1988, nơi thường trú ấp P, xã B, huyện C. Chỗ ở: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T): vào tháng 7 năm 2022, có vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng. Đến tháng 8 năm 2022, bà Tu tiếp tục vay thêm 2.000.000 đồng, tiếp tục từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2022, bà Tu vay thêm 3 lần tổng số tiền 7.000.000 đồng, cũng lãi suất như trên. Đến tháng 10 năm 2022, tổng số tiền bà Tu vay lên đến 11 triệu, bắt đầu tháng 11 năm 2022, bà Tu trả mỗi tháng 1 triệu đồng cùng với tiền lãi. Đến tháng 5 năm 2023 số tiền vay còn 6.000.000 đồng. Đến tháng 6 năm 2023, bà Tu trả cho bị cáo Kim N 5.000.000 đồng, bị cáo Kim N không thu tiền lãi, bà Tu còn nợ 1.000.000 đồng, phần 1.000,000 đồng này bà Tu chuyển sang cho chồng là ông Trương Văn Ti trả và đóng lãi, tổng số tiền tiền bà Tu đóng lãi là 6.800.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 1.234.521 đồng, số tiền bị cáo N thu lợi bất chính 5.565.479 đồng.

6. Ông Trương Văn Ti (sinh ngày 16/2/1990, nơi thường trú ấp P, xã B, huyện C. Chỗ ở: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T - là chồng bà Tu): vào tháng 3 năm 2023, vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm. Đến tháng 6 năm 2023, bị cáo N tăng lãi suất lên 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng lãi suất 180%/năm, từ tháng 7 năm 2023, ông Ti đóng lãi cho bà Tu phần tiền vay 1.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng, đóng đến tháng 10 năm 2023, số tiền ông Ti đóng lãi là 2.650.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 318.356 đồng, số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 2.331.644 đồng. Hiện tại ông Ti đã trả xong tiền vay cho bị cáo Kim N.

7. Bà Nguyễn Hồng V (sinh ngày 09/2/1972, nơi thường trú số 283, khóm 5, phường B, thành phố T. Chỗ ở: khóm 3, phường N, thành phố T, tỉnh T), bà V có vay của bị cáo N nhiều lần nhưng vay vào ngày nào bà V và bị cáo N không nhớ rõ (do không có ghi sổ sách). Đến tháng 6 năm 2023, bà V và bị cáo Ngân xác nhận bà V còn thiếu tiền vay 3.000.000 đồng và trong tháng 6 năm 2023, bà V tiếp tục vay thêm 5.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng 120%/năm, hàng tháng bà V trả gốc 1.000.000 đồng cùng tiền đóng lãi, trả lãi tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9, số tiền đóng lãi là 2.400.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 403.288 đồng, số tiền bị cáo Kim N thu lợi bất chính là 1.996.712 đồng. Tháng 10 năm 2023 đến nay bị cáo N không thu lãi, tháng 11, tháng 12 năm 2023

và tháng 01 năm 2024 bà V trả mỗi tháng 500.000 đồng hiện, tại bà V còn nợ tiền vay của bị cáo N số tiền 2.500.000 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Thanh P (sinh ngày 13/2/1984, nơi thường trú khóm 1, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở: khóm 9, phường N, thành phố T, tỉnh T): vào tháng 2 năm 2022, vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm, đóng đến tháng 6 năm 2023, bị cáo Kim N nâng lãi suất lên 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng lãi suất 180%/năm, bà P đóng lãi đến tháng 10 năm 2023, số tiền đóng lãi là 9.000.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 1.336.986 đồng, số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 7.663.014 đồng, hiện tại bà P đã trả xong tiền vay cho bị cáo Ngân.

9. Bà Ngô Thị H (sinh ngày 01/01/1975, nơi thường trú và chỗ ở ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T): vay vào tháng 4 năm 2020, vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm, vay 01 tháng trả lãi 400.000 đồng và gốc là 4.000.000 đồng. Tháng 5 năm 2020, bà H vay của bị cáo N số tiền 4.000.000 đồng, đến tháng 3 năm 2021, bà H vay thêm số tiền 4 triệu, lãi suất như trên, đóng đến tháng 6 năm 2023, bị cáo N nâng lãi suất lên 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng lãi suất 180%/năm, số tiền lãi bà Hạnh trình bày đóng cho bị cáo Kim N là 29.450.000 đồng, bà H trình bày đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền vay 6.000.000 đồng.

Tuy nhiên bị cáo N không thừa nhận cho vay số tiền như trên, bị cáo N trình bày cho bà H vay vào tháng 4 năm 2020 số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm, trả gốc và lãi sau 01 tháng số tiền là 4.400.000 đồng (gồm tiền gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi 400.000 đồng). Đến năm 2021 bà H vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất như trên trả gốc và lãi sau 01 tháng số tiền là 4.400.000 đồng (gồm tiền gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi 400.000 đồng). Đến tháng 6 năm 2023, bà H vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất như trên, đóng lãi hàng tháng và trả gốc 1.000.000 đồng, trả trong 03 tháng. Đến tháng 9 năm 2023, bị cáo N trình bày bà H đã trả xong tiền gốc và đóng lãi. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng bà H và bị cáo N không thống nhất, bị cáo N thừa nhận tổng số tiền thu lãi là 1.400.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 232.877 đồng, bị cáo N thu lợi bất chính là 1.167.123 đồng.

10. Bà Lâm Thị Hoàng Ng (sinh năm 1972, nơi thường trú và chỗ ở số 322, khóm 1, phường M, thành phố T, tỉnh T): vay của bị cáo N nhiều lần nhưng không xác định được ngày tháng năm nào, đến tháng 4 năm 2023 khi Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh dời về địa chỉ khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh, bà Hoàng Ng còn nợ tiền vay của bị cáo Kim N là 7.000.000 đồng, đóng lãi đến tháng 9 năm 2023, bà Hoàng Ng thôi việc nên trả lại tiền vay và tiền lãi cho bị cáo Kim N. Bà Hoàng Ng xác định số tiền lãi đóng từ tháng 4/2023 đến tháng 9/2023 là 4.200.000 đồng.

Qua làm việc bị cáo Kim N trình bày bà Hoàng Ng vay ngày nào không nhớ, với lãi suất như trên, khi bệnh viện dời về địa chỉ khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh thì bà Hoàng Ng chỉ có nợ tiền vay là 3.000.000 đồng. Đến tháng 5 năm 2023, bà N vay thêm 4.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 7.000.000 đồng. Đến tháng 7 năm

2023, bà Hoàng Ng trả hết tiền vay và tiền lãi. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng hai bên không thống nhất, tổng số tiền lãi bị cáo Kim N thừa nhận đã thu được của bà Hoàng Ng là 2.000.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 334.247 đồng, số tiền bị cáo Kim N thu lợi bất chính là 1.665.753 đồng.

11. Bà Nguyễn Mộng Tr (sinh ngày 01/01/1971, nơi thường trú và chỗ ở số 310, khóm 1, phường A, thành phố T): vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 100.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 120%/năm, vay ngày tháng nào không nhớ, thời điểm vay lúc Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh còn tại phường 6, thành phố Trà Vinh. Đến tháng 4 năm 2023, Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh dời về địa chỉ khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh thì bà Tr còn nợ tiền vay trên là 3.000.000 đồng, cũng trong tháng 4 năm 2023, bà Tr vay thêm của bị cáo N 2.000.000 đồng, như vậy tính đến thời điểm tháng 4 năm 2023, bà Tr nợ tiền vay của bị cáo N 5.000.000 đồng, đóng lãi hàng tháng. Đến tháng 6 bị cáo N tăng lãi lên 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng 180%/năm, đóng lãi đến tháng 10 năm 2023, tổng số tiền lãi là 4.250.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 501.370 đồng, số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 3.748.630 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo N đã thừa nhận hành vi cho vay của mình giống như bà Tr trình bày. Ngoài ra bà Tr còn trình bày có nhờ bị cáo N mua vàng với số tiền 9.000.000 đồng, nhờ bà Việt vay dùm của bị cáo N số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 200.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 240%/năm, hai khoản vay này bà Tr trình bày có đóng lãi cho bị cáo N nhưng không xác định được số tiền đóng lãi, đối chất với bị cáo N cho biết vào tháng 6 năm 2023, bà Tr nhờ bị cáo Ng mua vàng dùm trị giá 9.000.000 đồng, bị cáo N không thu lãi, mỗi tháng bà Tr trả 1.000.000 đồng, trả được 4 tháng với số tiền 4.000.000 đồng gồm tháng 7, tháng 8, tháng 9, tháng 10, còn khoản vay 10 triệu đồng bà Việt hỏi vay dùm vào tháng 10 năm 2023 nên chưa thu lãi, do hai người không có tài liệu chứng minh nên hai khoản vay này không chứng minh được số tiền bị cáo N thu lợi bất chính. Từ tháng 10 năm 2023 đến nay bị cáo N không thu lãi, hiện tại bà Tr còn nợ N 20.000.000 đồng gồm 15.000.000 đồng tiền vay và 5.000.000 đồng tiền nhờ mua vàng.

12. Bà Từ Hồng D (sinh ngày 01/01/1983, nơi thường trú và chỗ ở khóm 3, phường S, thành phố T, tỉnh T): vay số tiền 2.000.000 đồng vào tháng 11 năm 2022, lãi suất 200.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 240%/năm, cũng trong tháng 11 vay thêm 2 triệu, lãi suất 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 180%/năm, tháng 12 năm 2022, bà D trả 2.000.000 đồng và đóng tiền lãi, trong tháng 12 năm 2022, bà D nhờ bà Việt vay dùm thêm của bị cáo N số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 200.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 240%/năm, tổng tiền vay 6.000.000 đồng, đóng lãi đến tháng 10 năm 2023, số tiền đóng lãi là 11.600.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.534.795 đồng.

Trong tháng 10 năm 2023, bà D nhờ bà V vay góp dùm số tiền 4.000.000 đồng, mỗi ngày góp 160.000 đồng, góp trong 30 ngày, góp được 18 ngày bà D vay đảo lại, bị cáo N thu tiền lãi 800.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 760.548 đồng.

Sau đó bà D tiếp tục góp 14 ngày bà D ngưng góp, số tiền góp 14 ngày là 2.240.000 đồng, số tiền lãi thu được là 373.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 342.648 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 1.135.342 đồng, tổng cộng số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 11.637.991 đồng, hiện tại bà D còn nợ bị cáo N số tiền 6.000.000 đồng tiền vay đúng và 16 ngày vay góp số tiền là 2.133.333 đồng, tổng cộng bà D còn nợ bị cáo N số tiền là 8.133.333 đồng.

13. Bà Thạch Thị H (sinh ngày 01/01/1979, nơi thường trú và chỗ ở ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T): vay số tiền 3.000.000 đồng, vay tháng 5 năm 2023, lãi suất 150.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 180%/năm, đến tháng 6 năm 2023, nhờ bà V hỏi vay dùm của N số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 200.000 đồng/triệu/tháng, tương ứng với lãi 240%/năm, đóng lãi đến tháng 10 năm 2023, số tiền đóng lãi 4.650.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 453.699 đồng, số tiền thu lợi bất chính 4.196.301 đồng. Từ tháng 10 năm 2023, bị cáo N không thu lãi mà yêu cầu bà H trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, hiện bà H đã trả xong tiền vay cho bị cáo N.

14. Nguyễn Hoàng Ba (sinh ngày 11/01/2005, nơi thường trú ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T. Chỗ ở: khóm 10, phường D, thành phố T, tỉnh T): vào tháng 05 năm 2023, Ba vay của bị cáo N số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 150.000 đồng/triệu/tháng, đóng lãi đến tháng 10 năm 2023, số tiền đóng lãi là 1.500.000 đồng. Từ tháng 11, tháng 12 năm 2023, bị cáo N không thu lãi, trong đó tháng 12 bị cáo N thu gốc 300.000 đồng, lãi suất cho phép theo quy định là 299.178 đồng, số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 1.200.822 đồng, hiện tại Ba còn thiếu tiền vay bị cáo N là 1.500.000 đồng.

15. Bà Sơn Ngọc Bi (sinh ngày 19/4/1973, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh T): bà Bi trình bày bắt đầu vay tiền của bị cáo N vào khoảng giữa năm 2022, vay góp số tiền 2.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng, góp được 10 đến 12 ngày bà Bi vay đảo lại và vay thêm 1.000.000 đồng, bà Bi không xác định được vay đảo lại ngày nào, mỗi ngày góp 150.000 đồng, tiếp tục góp 10 đến 12 ngày bà Bi vay đảo lại và vay thêm 2.000.000 đồng, bà Bi cũng không xác định được vay đảo lại ngày nào, tổng tiền vay là 5.000.000 đồng góp mỗi ngày 250.000 đồng. Bà Bi trình bày vay đảo lại 4 lần, bà Bi tự ghi sổ lại nhưng không có xác nhận của bị cáo N, sau đó bà Bi không có khả năng góp nên xin đóng lãi mỗi ngày 50.000 đồng với số tiền vay là 5.000.000 đồng, từ tháng 5 năm 2023 đến ngày 31/10/2023, tuy nhiên bà Bi không xác định được số tiền đóng lãi cho bị cáo N.

Qua làm việc với bị cáo N trình bày: bà Bi có vay số tiền trên vào năm 2022, không nhớ rõ ngày nào, vay góp số tiền 2.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng, góp được 12 ngày, bà Bi vay đảo lại và vay thêm 1.000.000 đồng, bị cáo N thu lãi được 400.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, tiếp tục góp được 12 ngày bà Bi vay đảo lại và vay thêm 2.000.000 đồng, bị cáo N thu lãi được 600.000 đồng, tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng góp mỗi ngày 250.000 đồng, sau đó bà Bi không góp nữa mà xin đóng lãi mỗi ngày 50.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo N trình bày từ lúc xin đóng lãi đến nay bà Bi không có đóng, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng hai bên không thống nhất, bị cáo N thừa nhận số tiền thu

lợi bất chính từ việc cho bà Bi vay là 967.123 đồng, hiện tại bà Bi còn nợ tiền vay của bị cáo là 5.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Đặng Nguyễn Kim N đã có hành vi cho những người nêu trên vay tiền với mức lãi suất từ 120%/năm đến 304%/năm (vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định trong Bộ luật dân sự), tổng số tiền bị cáo dùng để cho vay là 186.000.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là 49.553.774 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án:
- Về tình tiết tăng nặng: Không.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có bà Nội tên Lê Thị Mạnh được Nhà nước tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

- Đối với bà Trịnh Hoa V tuy không có vay tiền của bị cáo N nhưng do có mối quan hệ quen biết với bị cáo nên đã nói giúp cho người vay được vay tiền của bị cáo N. Tuy nhiên, xét về động cơ thì bà V chỉ muốn giúp người vay để vay được tiền giải quyết trong lúc khó khăn, bà V không nhận được lợi ích gì từ bị cáo N và người vay. Do vậy không đặt vấn đề xử lý đối với bà V mà tiến hành giáo dục cho cam kết để phòng ngừa vi phạm.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:
Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Trà Vinh đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài sản như sau:

Ngày 09/01/2024, bị cáo N tự nguyện giao nộp 02 thẻ ngân hàng gồm 01 (một) thẻ của bà Thạch Thị H, số tài khoản: 33689317, số thẻ: 4221094011932363 của ngân hàng ACB và 01 (một) thẻ của Nguyễn Hoàng Ba, số tài khoản: 33750037, số thẻ: 4221094011932645 của ngân hàng ACB dùng để thu lãi tiền cho vay.

Ngày 07/01/2024, bà Sơn Ngọc Bi giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản photo ghi lại tiền vay góp 5.000.000 đồng, bà Bi vay đảo 4 lần, số tiền góp vay đảo 4 lần là 13.200.000 đồng, tuy nhiên qua đối chất bị cáo N không đồng ý kết quả ghi của bà Bi.

Ngày 13/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả 02 thẻ ngân hàng trên cho bà Thạch Thị H và Nguyễn Hoàng Ba.

- Phần dân sự: Không.

Tại bản cáo trạng số: 50/CT-VKS-HS ngày 11/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Đặng Nguyễn Kim N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Đặng Nguyễn Kim N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá

các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Kim N từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Tr 534.247 đồng, bà Thạch Thị H 534.247 đồng, bà Nguyễn Thị Ánh H 2.398.630 đồng, bà Huỳnh Thị Phước L 3.946.027 đồng, bà Nguyễn Thị Bích Tu 5.565.479 đồng, ông Trương Văn Ti 2.331.644 đồng, bà Nguyễn Hồng V 1.996.712 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh P 7.663.014 đồng, bà Ngô Thị H 1.167.123 đồng, bà Lâm Thị Hoàng N 1.665.753 đồng, bà Nguyễn Mộng Tr 3.748.630 đồng, bà Từ Hồng D 11.637.991 đồng, bà Thạch Thị H 4.196.301 đồng, ông Nguyễn Hoàng Ba 1.200.822 đồng, bà Sơn Ngọc Bi 967.123 đồng. Buộc bị cáo nộp 143.600.000 đồng tiền bị cáo cho vay và 7.335.342 đồng tiền thu lãi có được sung vào ngân sách Nhà nước và nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Thanh Tr nộp 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ánh H nộp 700.000 đồng, bà Huỳnh Thị Phước L nộp 11.000.000 đồng, bà Nguyễn Hồng V nộp 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Mộng Tr nộp 20.000.000 đồng, bà Từ Hồng D nộp 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Hoàng Ba nộp 700.000 đồng, bà Sơn Ngọc Bi nộp 5.000.000 đồng tiền vay của bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời đề nghị bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Nguyễn Kim N đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 11/2023, trên địa bàn thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị cáo Đặng Nguyễn Kim N đã nhiều lần cho nhiều người khác là đồng nghiệp của bị cáo vay tiền để lấy lãi, số tiền cho vay dao động từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 11.000.000.000 đồng (mười một triệu đồng), với mức lãi suất vượt hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (từ 120%/năm đến 304%/năm so với mức lãi suất cao nhất cho phép là 20%/năm). Tổng

số tiền mà bị cáo N đã cho vay là 186.000.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu đồng), thu lợi bất chính 49.553.774 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng), toàn bộ số tiền này bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Nguyễn Kim N đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Đặng Nguyễn Kim N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cho vay với mức lãi suất vượt hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (từ 120%/năm đến 304%/năm) thu lợi bất chính 49.553.774 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến chính sách quản lý của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bà nội là bà Lê Thị Mạnh được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi thu vượt theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng cần được chấp nhận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Nguyễn Kim N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ

luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Kim N 50.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Đặng Nguyễn Kim N nộp 143.600.000 đồng tiền cho vay và 7.335.342 đồng tiền lãi thu được sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 123, Điều 131, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đặng Nguyễn Kim N trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Tr 534.247 đồng, bà Thạch Thị H 534.247 đồng, bà Nguyễn Thị Ánh H 2.398.630 đồng, bà Huỳnh Thị Phước L 3.946.027 đồng, bà Nguyễn Thị Bích Tu 5.565.479 đồng, ông Trương Văn Ti 2.331.644 đồng, bà Nguyễn Hồng V 1.996.712 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh P 7.663.014 đồng, bà Ngô Thị H 1.167.123 đồng, bà Lâm Thị Hoàng N 1.665.753 đồng, bà Nguyễn Mộng Tr 3.748.630 đồng, bà Từ Hồng D 10.534.795 đồng, bà Thạch Thị H 4.196.301 đồng, ông Nguyễn Hoàng Ba 1.200.822 đồng, bà Sơn Ngọc Bi 967.123 đồng.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Thanh Tr nộp 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ánh H nộp 700.000 đồng, bà Huỳnh Thị Phước L nộp 11.000.000 đồng, bà Nguyễn Hồng V nộp 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Mộng Tr nộp 20.000.000 đồng, bà Từ Hồng D nộp 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Hoàng Ba nộp 700.000 đồng, bà Sơn Ngọc Bi nộp 5.000.000 đồng tiền vay của bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đặng Nguyễn Kim N nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ